

# NHỮNG VẤN ĐỀ CỐT LÕI TRONG VIỆC XÂY DỰNG MỘT KẾT CẤU KINH TẾ PHÙ HỢP VỚI MỤC TIÊU "DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH"

NGUYỄN VĂN LẠNG \*

*Xác định khả năng và lợi thế riêng có nhằm tìm ra hướng phát triển nền kinh tế một cách có hiệu quả và nhanh chóng là vấn đề rất quan trọng của mỗi quốc gia. Bài viết dưới đây sẽ đề cập vấn đề này của Việt Nam hiện nay.*

## Thực trạng kinh tế Việt Nam

Bước vào thế kỷ XXI, sau khi là thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), thực hiện cam kết Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) với Hoa Kỳ, thị trường nước ta đang được mở rộng, các rào cản thương mại từ những nước thành viên WTO dần được dỡ bỏ và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày một nâng cao, các hoạt động hợp tác kinh tế và đầu tư được mở rộng, thị trường xuất khẩu được củng cố và tăng cường. Đồng thời, nhờ có nền chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được bảo đảm, môi trường để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài được thông thoáng hơn, thế và lực của Việt Nam đã mạnh lên so với nhiều năm trước. Trên 22 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế hết sức to

lớn, duy trì được tốc độ tăng trưởng cao được cả thế giới thừa nhận.

Tuy nhiên, trong suy thoái kinh tế toàn cầu đang diễn ra trên diện rộng, với độ mở cao, phụ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài và xuất khẩu nên nền kinh tế nước ta chịu nhiều tác động và những khó khăn, thách thức được dự báo trong năm 2009 sẽ là không nhỏ. Nét nổi bật là tăng trưởng kinh tế sẽ bị suy giảm, nhất là trong hầu hết các ngành sản xuất và dịch vụ; thị trường xuất khẩu bị thu hẹp; đầu tư nước ngoài và nguồn ngoại hối giảm sút. Thêm vào đó còn nhiều khó khăn nội tại vốn có của nền kinh tế chưa được khắc phục.

Nói về đầu tư, trong 10 năm gần đây, đầu tư trong nước và của nước ngoài tăng cao, đã

\* TS. Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

tạo đà tăng trưởng kinh tế mạnh, nhưng vì kinh tế nước ta chưa có sự chuyển biến đáng kể về năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh tế, nên phát triển chưa bền vững và hiệu quả đầu tư bị đánh giá vào loại thấp nhất trong khu vực.

Nguồn lực quý nhất được thế giới coi trọng ngày nay là *nhân lực*. Ở nước ta nguồn nhân lực cũng chưa phát huy có hiệu quả. Trong khi đó, *tài nguyên đất đai* bị sử dụng manh mún và đang có xu hướng bị hủy hoại trầm trọng, đặc biệt, *tài nguyên biển* - một khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với vận mệnh đất nước mà Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 03- NQ/TW về *phát triển kinh tế biển*, song dường như đang bị lãng quên.

Sau hơn 22 năm đổi mới, mặc dù đạt nhiều thành tựu kinh tế to lớn, nhưng GDP theo đầu người của nước ta hiện nay vẫn thấp so với các nước trong khu vực (chưa bằng 1/2 so với In-đô-nê-xi-a, dưới 1/3 của Thái Lan). Mục tiêu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa theo hướng hiện đại vào năm 2020 vẫn còn ở khá xa, trong khi thời gian còn lại không nhiều. Báo cáo *Phát triển Việt Nam 2009* của Ngân hàng Thế giới (WB) chỉ ra, cho dù Việt Nam đạt được mức tăng trưởng cao trong thời gian dài, nhưng còn cách khá xa so với các nước trong khu vực (bị tụt hậu về kinh tế tới 51 năm so với In-đô-nê-xi-a, 95 năm so với Thái Lan và 158 năm so với Xin-ga-po). Theo *Diễn đàn Kinh tế thế giới*, hầu hết các tiêu chí cạnh tranh trong kinh doanh của Việt Nam đều ở dưới mức trung bình (thấp hơn 5 trong thang điểm 10). Còn theo *Tổ chức Minh bạch quốc tế*, Việt Nam đạt 2,6/10 điểm năm 2007 và 2,7/10 điểm trong năm 2008. Chỉ số này cho thấy, tham nhũng nước ta vẫn ở mức cao.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, phát triển của Việt Nam thời gian qua chủ yếu dựa trên *lợi thế lao động rẻ và khai thác tài nguyên*, đó là

*phương thức phát triển theo chiều rộng (Extensive Development)* đang dần tới ngưỡng không thể vượt qua. Để bảo đảm tốc độ và năng lực cạnh tranh của mình, Việt Nam tất yếu phải chuyển qua một phương thức phát triển mới, *phát triển theo chiều sâu (Intensive Development)* dựa trên nền sản xuất thâm dụng công nghệ và kỹ thuật, phát huy tối đa những lợi thế cơ bản mà ít nước có thể sánh được về *nguồn lực con người, nông nghiệp châu Á nhiệt đới gió mùa và hơn một nửa biên giới quốc gia là biển cả bao quanh*.

Vì vậy, để chấn hưng đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh, đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội trong thiên niên kỷ mới, theo chúng tôi, những nội dung lớn của phát triển kinh tế nên tập trung vào việc biến nước ta trở thành: *Một cường quốc sản xuất sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới cho thế giới; một cường quốc về kinh tế biển và một cường quốc về nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) có kỹ năng cao*.

### **Những vấn đề cốt lõi của nền kinh tế quốc dân thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”**

#### *1 - Một cường quốc về sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới*

Trong một thế giới ngày càng mở rộng và với tiềm năng, lợi thế của nước nhiệt đới, được thiên nhiên ưu đãi, có nhiều sản phẩm mang tính đặc thù, Việt Nam hoàn toàn có thể lựa chọn nông - lâm - thủy sản làm mục tiêu để trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Thực tế tuy mới chỉ gia nhập thị trường thế giới trong khoảng thời gian không dài, nhưng kim ngạch xuất khẩu nông - lâm - thủy sản của Việt Nam liên tục gia tăng, gần đây đã đạt 20 tỉ USD/năm và nếu tập trung phát triển mạnh theo hướng này, nhiều dự báo cho rằng, Việt Nam có thể đạt

trên 40 tỉ USD trong thời gian không xa. Những mặt hàng có thể vươn lên dẫn đầu thế giới của Việt Nam là lúa gạo, thủy sản, cà phê, cao su, rau quả, hạt điều và sản phẩm gỗ. Việt Nam đã là cường quốc xuất khẩu lúa gạo thứ hai trên thế giới. Sau Bra-xin, thương hiệu Cà phê Việt ngày càng được khẳng định ở đẳng cấp cao trên thị trường quốc tế và đã có mặt ở 40 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam cũng đã vượt qua Ấn Độ để trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu hạt điều. Về cao su, Việt Nam đứng thứ 3 thế giới, đang có nhiều hứa hẹn để mở rộng thị trường tiêu thụ đến nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Trong 10 năm qua, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có bước phát triển nhanh, đây ấn tượng, đã đứng vào nhóm 10 nước có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất thế giới. Các mặt hàng khác như hồ tiêu, đồ gỗ, rau củ quả cũng đều là những hàng nông sản có tiềm năng xuất khẩu rất lớn.

Điều đáng chú ý nhất trong lĩnh vực này là để có chất lượng cao khi xuất khẩu nông sản rất cần quan tâm đến khâu giống và công nghệ sau thu hoạch và chế biến. Bởi vì bấy lâu nay, tuy chúng ta có nhiều loại cây quả đặc sản nhưng năng lực chế biến trong nhiều trường hợp chỉ đạt chừng 2% sản lượng, phần lớn còn lại tiêu thụ ở dạng tươi sống, người nông dân cũng không biết cách thu hoạch và bảo quản thích hợp nên tổn thương cơ học và độ thối rữa rất cao. Hiện nay sản xuất rau quả cả nước đã đạt sản lượng tới 4 - 5 triệu tấn/năm, nhưng vì sản phẩm không qua chế biến, tiêu thụ không kịp thời, nên giá bán thấp, thu nhập của nông dân bị giảm sút từ 15% đến 30%. Từ thực trạng đó, để nước ta có thể trở thành cường quốc cung cấp nông sản cho thế giới thì khoa học và công nghệ phải giữ vai trò trọng tâm. Chiến lược khoa học - công nghệ nông nghiệp cần tập trung tạo những đột biến

về giống và công nghệ chế biến sau thu hoạch. Điều này chỉ có thể làm tốt khi có cơ chế chính sách, chế độ thích hợp nhằm thu hút chuyên gia, nhà nông học trong và ngoài nước, nhất là doanh nghiệp đầu tư công sức và trí tuệ vào lĩnh vực này.

## 2 - Một cường quốc về kinh tế biển

Là một nước thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, Việt Nam có bờ biển dài hơn 3.126 km, thêm lục địa rộng với hàng ngàn đảo giàu nguồn lợi thủy, hải sản, dầu mỏ, khoáng sản, nguyên liệu hydrat, muối,... Cùng với tài nguyên biển đảo là hệ thống cảng biển nước sâu (Cam Ranh, Dung Quất, Vân Phong, Vũng Áng,...), nhiều vịnh đẹp và bãi biển nổi tiếng, như Hạ Long, Nha Trang, Cam Ranh, Vũng Tàu,... Dọc theo bờ biển chạy dài còn biết bao bãi cát đẹp có thể xây dựng thành những trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, các resort, bãi tắm có tầm quốc tế. Tài nguyên và thế mạnh biển hiện có cho phép chúng ta khẳng định, Việt Nam hoàn toàn có điều kiện thuận lợi để trở thành một trong những cường quốc về kinh tế biển.

Cùng với sự trỗi dậy của các nền kinh tế châu Á, khối lượng hàng hóa giao dịch sẽ tăng lên nhanh chóng, trong khi ngành hàng không không đủ sức bảo đảm, thì vận chuyển đường biển ngày càng có vai trò then chốt. Hàng hóa sẽ từ Trung Quốc, Ấn Độ hay Thái Lan, Cam-pu-chia, Lào... đi ngang qua Việt Nam để đến với thế giới và ngược lại. Đây là cơ hội để dịch vụ cảng biển Việt Nam có được những nguồn thu to lớn. Sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp đóng tàu gần đây càng cho phép chúng ta tin tưởng Việt Nam có đủ sức để chiếm lĩnh được thị phần cao trong dịch vụ cảng biển, cũng như vận tải biển.

Ngành khoa học - công nghệ biển của Việt Nam hiện còn rất sơ khai. Số liệu điều tra cơ

bản chưa nhiều, thiếu đồng bộ, tản mạn. Vì vậy, cần xây dựng ngành khoa học - công nghệ biển để có hiểu biết cơ bản về điều kiện tự nhiên biển, cập nhật những hiểu biết này theo những biến đổi khí hậu toàn cầu. Việc phát triển ngành khoa học - công nghệ biển sẽ góp tiếng nói vào việc quy hoạch sử dụng không gian các vùng duyên hải, cận duyên, đặc biệt là quy hoạch hệ thống cảng biển sao cho phù hợp với quy luật tự nhiên. Cần chú trọng hướng vào xây dựng và phát triển các ngành kinh tế biển chủ yếu, đó là: Phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong khảo sát, điều tra, thăm dò tài nguyên biển và đại dương; khai thác và chế biến hải sản; thăm dò và khai thác dầu khí; thăm dò và khai thác khoáng sản biển; du lịch biển; dịch vụ cảng biển và không gian biển; công nghiệp tàu thủy và vận tải biển... Sử dụng công nghệ cao trong hàng loạt các hoạt động thăm dò và khai thác biển. Đồng thời, trong quá trình đó, cần có sự đầu tư, phối hợp, nghiên cứu một cách toàn diện để tạo thành sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với khoa học - công nghệ biển, kinh tế, chính trị trên biển. Quốc phòng trên biển mạnh sẽ là chỗ dựa cho bà con ngư dân yên tâm làm ăn trên biển.

Lịch sử của ngành đường biển thế giới cho thấy kinh tế biển luôn được coi là ngành mũi nhọn, trong đó vai trò chủ đạo là cảng biển. Nơi nào có cảng biển, nơi đó sẽ là thành phố với kinh tế, công nghiệp và giao thương phát triển. Mặc dù Việt Nam đã có một số cảng "tầm cỡ khu vực", "tầm cỡ thế giới", nhưng trên thực tế, nước ta vẫn chưa có cảng nào có thể tiếp nhận được tàu trọng tải 50.000DWT hoặc tàu container sức chở 3.000TEUs. Với những cảng biển hiện có, chúng ta đang rất lạc hậu so với một số nước trong khu vực và trên thế giới. Bởi vậy, việc xây dựng và phát triển hệ thống cảng biển quốc gia có vai trò to lớn đến sự phát triển của đất nước.

Để đáp ứng được tốc độ phát triển cao của Việt Nam trong giai đoạn tiến ra biển, tới đây, cần phải nới rộng tầm nhìn trong quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam. Bởi vậy, tiêu chí thời gian để quy hoạch cho hệ thống cảng biển quốc gia không thể là 20 năm, mà phải là 50 năm, thậm chí lâu hơn nữa, nhằm tạo điều kiện cho ngành kinh tế biển của Việt Nam có những bước tiến theo kịp và phù hợp với sự phát triển của thời đại. Trong đó, ngoài việc đang hình thành 5 cảng container liên doanh có cùng quy mô để đón tàu container sức chở 6.000TEUs cập bến vào năm 2009 - 2010 ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc biệt cần phải tập trung đẩy mạnh đầu tư ngay vào việc xây dựng một cảng trung chuyển tầm cỡ thế giới (gồm cảng container, cảng tổng hợp, cảng chuyển tải nhiên liệu...), như Cảng Vân Phong.

Phát triển nước ta thành cường quốc nông nghiệp và cường quốc kinh tế biển của thế giới sẽ giải quyết những vấn đề về phát triển đất nước, trong đó tập trung vào khu vực chiếm hơn 80% dân số cả nước. Như vậy, làm tốt 2 nội dung này, chúng ta sẽ giải quyết cơ bản vấn đề an sinh xã hội cùng 3 vấn đề lớn mang tính sống còn đang được toàn thế giới hết sức quan tâm, đó là: *An ninh lương thực; an ninh năng lượng và an ninh môi trường.* Bảo đảm được những vấn đề an ninh nêu trên cũng giải quyết được những mục tiêu nêu trong chiến lược phát triển bền vững vào những thập niên tới của quốc gia.

3 - Một cường quốc về nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) có kỹ năng cao

Nguồn nhân lực CNTT nước ta những năm qua tăng liên tục. Theo thống kê sơ bộ, hiện nước ta có khoảng 35 ngàn lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp phần mềm (trong đó trên 95% có chuyên môn CNTT), khoảng hơn 20 ngàn lao động trong các doanh nghiệp có

nội dung số và dịch vụ CNTT (trong đó khoảng 65% có chuyên môn CNTT hoặc điện tử, viễn thông), gần 100 ngàn lao động trong các doanh nghiệp điện tử, phần cứng máy tính (khoảng 70% có chuyên môn về điện tử, viễn thông hoặc CNTT), gần 100 ngàn lao động trong các doanh nghiệp viễn thông (với 60% có chuyên môn về điện tử, viễn thông hoặc CNTT) và ước tính khoảng 90 ngàn nhân lực chuyên trách ứng dụng CNTT trong các tổ chức, doanh nghiệp thuộc ngành khác. Nước ta có 13 trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo sau đại học về CNTT; 230 trường đại học và cao đẳng có đào tạo về CNTT 88 trường đào tạo CNTT bậc trung cấp chuyên nghiệp; cùng nhiều chương trình đào tạo quốc tế...

Ngành CNTT của Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, nhưng vẫn ở khoảng cách rất xa so với Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Trung Quốc,... Tuy nhiên, *Việt Nam đang có cơ hội lớn để phát triển ngành CNTT*. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, sự gia tăng nhanh chóng các doanh nghiệp CNTT và viễn thông lớn của nước ngoài đầu tư vào Việt Nam đang đòi hỏi số lượng lớn nhân lực có tính chuyên nghiệp cao. Nếu năm 2009, trên thế giới đang cần tới 3 triệu lao động CNTT, đến năm 2020 sẽ cần đến 20 triệu lao động CNTT, thì riêng tại Việt Nam, hiện nay nhu cầu lên tới khoảng vài chục ngàn người. Chẳng hạn, 5 công ty lớn (Intel, Renesas, Campal, Samsung và Foxconn) đã quyết định đầu tư gần 10 tỉ USD vào Việt Nam để thiết kế, sản xuất vi mạch, máy tính, điện thoại di động, thiết bị viễn thông... Đến năm 2012, doanh số của 5 công ty này có thể đạt 30 tỉ USD, tăng tổng mức xuất khẩu lên gấp rưỡi, chiếm 1/3 GDP của Việt Nam hiện nay. Trong báo cáo mới đây của Tập đoàn tư vấn Global Consultants AT Kearney về khả năng thu hút các công ty

CNTT, Việt Nam xếp thứ 10 trên tổng số 50 nước là điểm đến thu hút nhất và đứng thứ 20 trong số 25 nước hấp dẫn nhất về giá công cho nước ngoài (*Outsourcing*).

Mặc dù Việt Nam nằm trong “tâm ngắm” và là điểm đến của nhiều doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực CNTT, nhưng hiện thiếu nguồn nhân lực làm được việc, đặc biệt là lao động có tay nghề, chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài những ngành nghề quen thuộc như lập trình, viết website, huấn luyện đào tạo, hỗ trợ khách hàng, quản lý hệ thống thông tin điện tử... hiện có nhiều nghề CNTT rất mới và thiếu nhân lực như tiếp thị, viết sách kỹ thuật, kiểm tra chỉnh sửa phần mềm, giao dịch - đàm phán điện tử, giao dịch thương mại - thanh toán điện tử... Chẳng hạn, dịch vụ làm sổ sách kế toán dự kiến cần đến 10.000 lao động, nhưng tuyển dụng rất khó, bởi tình trạng phổ biến là người giỏi CNTT lại không có chuyên môn về kế toán, kém ngoại ngữ, hoặc ngược lại. Nhu cầu trên thực tế về nhân lực CNTT Việt Nam hiện đã vượt quá khả năng đáp ứng của hệ thống đào tạo cho dù chỉ tiêu tuyển sinh cho ngành này đã tăng mạnh thời gian qua. Rõ ràng, nguồn nhân lực CNTT của Việt Nam hiện chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành, của xã hội cả về số lượng cũng như chất lượng. Chất lượng nguồn nhân lực thấp *không chỉ làm giảm năng lực cạnh tranh của ngành CNTT Việt Nam, mà còn gây lãng phí rất lớn cả về thời gian và tiền của nhân dân*.

Sở dĩ như vậy vì Việt Nam chưa hình thành được hệ thống chứng chỉ quốc gia về đào tạo CNTT để việc đào tạo được chuẩn hóa và liên thông, cũng như trong việc công nhận chất lượng. Đội ngũ giảng viên vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về năng lực nghề nghiệp, kỹ năng thực hành... Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ công

tác đào tạo nghiên cứu khoa học thiếu và nhanh lạc hậu nhưng không kịp bổ sung...

Tới đây, dù lao động Việt Nam có lợi thế chi phí thấp, nhưng nếu không có kỹ năng và tri thức phù hợp, thì sẽ không có giá trị đối với nhà đầu tư và chúng ta sẽ mất đi cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài để tăng tốc phát triển ngành CNTT trong 20 năm tới. Xác định được tầm quan trọng đó, ngày 17-10-2000, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 58-CT/TW về “*Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Thủ tướng Chính phủ đã ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ký quyết định phê duyệt *Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực CNTT Việt Nam đến năm 2020* (Quyết định số 05/2007/QĐ-BTTTT ngày 26-10-2007). Tiếp theo, ngày 1-6-2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 698/QĐ-TTg phê duyệt *Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020*.

Đây là bước đột phá mạnh mẽ và sâu rộng trong công tác xã hội hóa đào tạo nhân lực CNTT, nhờ đó việc thu hút đầu tư của doanh nghiệp, xã hội cho công tác đào tạo nhân lực CNTT tới đây sẽ có những chuyển biến nhảy vọt. Đây cũng sẽ là giải pháp khả thi để thu hút hiệu quả nhất các doanh nghiệp, tập đoàn CNTT lớn của nước ngoài đang có ý định đầu tư vào Việt Nam để tổ chức đào tạo hoặc liên kết với các trường đào tạo nhân lực về CNTT. Quyết định này đồng thời cũng chính là chiến lược biến Việt Nam thành một cường quốc về nhân lực CNTT trong một tương lai không xa. Trong đó, đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp phát triển nguồn nhân lực CNTT Việt Nam đến năm 2020 với nhiều nhiệm vụ cụ thể như: Phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên CNTT; phát triển đội ngũ nghiên cứu về CNTT; xây

dựng và phát triển đội ngũ giám đốc CNTT trong các cơ quan nhà nước; đào tạo các tài năng về CNTT...

Để Việt Nam thành một cường quốc về nhân lực CNTT vào năm 2020, Việt Nam sẽ phải đồng thời tiến hành hai mục tiêu:

*Một là, lấy phát triển nguồn nhân lực CNTT có trình độ và chất lượng cao làm khâu đột phá;*

*Hai là, lấy việc nhanh chóng làm chủ thị trường trong nước để từng bước vững chắc mở rộng sang thị trường khu vực và toàn cầu làm khâu quyết định, tiến tới “xuất khẩu” nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao vào năm 2020.*

Làm được như vậy, kể từ năm 2015, Việt Nam sẽ có khả năng trở thành 1 trong 70 nước phát triển CNTT hàng đầu thế giới. Trong *Tầm nhìn đến năm 2020*, CNTT sẽ là lĩnh vực nòng cốt để Việt Nam chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội, trở thành nước tiên tiến về phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin

Muốn thực hiện được chiến lược này, các ngành, các cấp cần nâng cao nhận thức về vai trò của CNTT; hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp; thực hiện tốt các chiến lược và quy hoạch; tăng cường tổ chức bộ máy quản lý của Nhà nước; đổi mới mô hình doanh nghiệp; mở rộng và phát triển thị trường CNTT. Để bảo đảm phát triển nguồn nhân lực CNTT đáp ứng nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu, cần có các biện pháp, giải pháp mạnh, kèm theo việc cho phép áp dụng một số cơ chế chính sách đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực CNTT, nhất là đào tạo hệ đại học và cao đẳng CNTT; cần có các cơ chế chính sách cởi mở, thông thoáng hơn trong việc thành lập các trường đào tạo CNTT nhằm huy động tối đa các nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội đầu tư vào lĩnh vực này. □